

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/DS-ST

Ngày: 21-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Nguyễn Văn Trình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 107 đường N, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Mai Trường D**, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 38, phường K, quận C, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: Kìet 523/H55 đường C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020, bản tự khai ngày 6/7/2020 và tại các biên bản hòa giải ngày 06/7/2020 và ngày 17/8/2020 thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Xuất phát từ quan hệ quen biết trong quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị Kim T có cho ông Mai Trường D mượn số tiền 277.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*). Việc mượn tiền được thể hiện rõ tại giấy mượn tiền ngày 14/3/2017 do

ông Mai Trường D tự nguyện viết có nội dung như sau:

“Nay, tôi viết giấy này để làm chứng tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Kim T, SCMND 201458598, hiện công tác tại Công ty B với số tiền là 277.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng y). Là chỗ quen biết nên chị T cho tôi mượn để giúp đỡ trong chuyện làm ăn của tôi. Tôi xin hưởng trong vòng 1 năm, tôi sẽ hoàn trả số tiền trên đúng thời gian”.

Do quá hạn đã lâu nên bà T đã rất nhiều lần hỏi thúc ông Mai Trường D trả nợ thì ông D chỉ trả cho bà T được 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), số nợ gốc còn lại là 259.000.000 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu đồng) ông D luôn tìm cách né tránh và không chịu trả nợ cho bà T như đã cam kết. Số tiền mà ông D đã mượn của bà từ thời gian 14/3/2017 đến 14/3/2018 thì bà T không yêu cầu tính lãi. Riêng khoảng thời gian từ 14/3/2018 đến 14/3/2020 là khoảng thời gian ông D cố tình chiếm dụng vốn của bà nên bà T yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 05%/năm cho thời gian chậm trả là 14/3/2018 đến 14/3/2020 là 02 năm đối với số gốc 259.000.000 đồng là: $(259.000.000 \text{ đồng} \times 2) \times 5\% = 25.900.000 \text{ đồng}$ (hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Do đó, bà T yêu cầu tòa án buộc ông Mai Trường D phải trả lại cho bà tổng số tiền là 284.900.000 đồng (hai trăm tám mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 259.000.000 đồng và tiền lãi suất do nợ quá hạn là 25.900.000 đồng và phải trả một lần.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020 và tại các biên bản hòa giải ngày 06/7/202 và ngày 17/8/2020 bị đơn ông Mai Trường D trình bày:

Ông Mai Trường D quen biết với bà Nguyễn Thị Kim T trong quá trình làm chung với nhau tại Công ty B. Quá trình quen biết, ông Mai Trường D có vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền là 277.000.000 đồng để phục vụ cho việc làm ăn của mình, hẹn thời gian 01 năm sẽ trả lại. Do quá trình làm ăn do thua lỗ nên ông D không trả nợ đúng hạn cho bà T. Sau nhiều lần bà T đòi nợ thì ông D có trả cho bà T được 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), còn lại 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) chưa trả được cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho bà 259.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi chậm trả trong vòng 02 năm từ ngày 14/3/2018 đến 14/3/2020 với số tiền 25.900.000 đồng. Tổng cộng là 284.900.000 đồng. Ông D đồng ý trả cho bà T toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên do hiện nay công việc làm ăn của ông D thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên ông D xin bà T tạo điều kiện để ông D được trả nợ cho bà T phương thức trả dần, mỗi tháng ông D sẽ trả cho bà T số tiền là 6.000.000 đồng cho đến khi trả dứt điểm số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Trường D phải trả cho bà T tổng số tiền là 284.900.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 259.000.000 đồng và tiền lãi suất do nợ quá hạn là 25.900.000 đồng và phải trả một lần.

Bị đơn ông Mai Trường D vắng mặt tại phiên tòa, theo tài liệu hồ sơ thể hiện: Ông Mai Trường D thừa nhận có vay của bà T với tổng số tiền 277.000.000 đồng, đã trả cho bà T được 18.000.000 đồng, còn lại 259.000.000 đồng nợ gốc chưa trả. Nay bà T yêu cầu ông trả lại cho bà tổng cộng là 284.900.000 đồng, gồm 259.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi suất do nợ quá hạn là 25.900.000 đồng. Ông D đồng ý trả cho bà T toàn bộ số tiền trên nhưng xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng ông D sẽ trả cho bà T 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Mai Trường D đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Mai Trường D.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy mượn tiền ngày 14/3/2017 nên quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông Mai Trường D có nơi cư trú tại: phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Trường D phải trả cho bà T tổng số tiền là 284.900.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 259.000.000 đồng và tiền lãi suất do nợ quá hạn là 25.900.000 đồng và phải trả một lần. Ông Mai Trường D thừa nhận nợ và đồng ý trả số nợ trên,

nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần, mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét lời khai, ý kiến trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày, thông qua mối quan hệ quen biết bà đã cho ông Mai Trường D mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền 277.000.000 đồng. Ông Mai Trường D viết giấy mượn tiền của bà vào ngày 14/3/2017, với số tiền 277.000.000 đồng, hạn 1 năm sau sẽ trả tiền. Đến hạn trả nợ nhưng ông D không trả tiền cho bà T như đã hẹn, bà T đã nhiều lần hỏi thúc nhưng ông D mới chỉ trả cho bà T được 01 lần với số tiền 18.000.000 đồng, còn lại 259.000.000 đồng tiền gốc ông D chưa trả cho bà T. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Mai Trường D thừa nhận nợ như lời bà T trình bày. Lời khai, trình bày của các đương sự phù hợp với giấy mượn tiền ngày 14/3/2017. Việc vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Mai Trường D với số tiền như trên là có thật, các bên đương sự đều thừa nhận tính đến nay bị đơn ông Mai Trường D còn nợ bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 259.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông D phải trả cho bà Thảo số tiền gốc chưa trả 259.000.000 đồng tiền gốc là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thảo buộc ông Mai Trường D phải trả cho bà T 259.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi chín triệu đồng*) tiền nợ gốc.

[3.1] Về yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ông Mai Trường D phải trả khoản tiền lãi suất chậm trả từ ngày 14/3/2018 đến 14/3/2020, đối với số tiền gốc 259.000.000 đồng, với mức lãi suất 05%/năm, với số tiền lãi là 25.900.000 đồng. Xét thấy theo trình bày của các đương sự và theo giấy vay tiền thể hiện thời hạn mà ông D phải trả nợ cho bà T là 01 năm tức là vào ngày 14/3/2018 ông D phải trả cho bà T toàn bộ số tiền 277.000.000 đồng. Tuy nhiên ông D mới trả được 18.000.000 đồng, còn lại 259.000.000 đồng, tính đến ngày 14/3/2020 ông D vẫn chưa trả cho bà T. Vì vậy bà T yêu cầu ông D phải thanh toán khoản tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền gốc 259.000.000 đồng, với mức lãi suất 05%/năm, trong thời gian 02 năm (*từ ngày 14/3/2018 đến 14/3/2020*), với số tiền 25.900.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, buộc ông Mai Trường

D phải có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền 284.900.000 đồng (*hai trăm tám mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 259.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 25.900.000 đồng.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Mai Trường D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Mai Trường D về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Tuyên xử: Buộc ông Mai Trường D phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền 284.900.000 đồng (*hai trăm tám mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 259.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi chín triệu đồng*) và tiền lãi suất chậm trả là 25.900.000 đồng (*hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Mai Trường D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông D phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Trường D phải chịu là: 14.245.000 đồng (*mười bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí 7.147.500 đồng (*Bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001158 ngày 09/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

